

Số: 376/QĐ-BVPS

Hải Phòng, ngày 24 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024
của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 13/3/2025 của Sở Tài chính và Sở Y tế;

Theo đề nghị của Phòng tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi năm 2024 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng khoa/phòng của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận;

-Như Điều 3;

-Công TTĐT; TCKT,VT

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

PGS.TS.BS Vũ Văn Tâm

Đơn vị: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Mã quan hệ ngân sách: 1016299

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số ~~376~~ /QĐ-BVPS ngày 24 /04 /2025 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu	405.214,538	405.214,538	
B	Quyết toán chi	343.819,497	343.819,497	
1	Chi hoạt động thường xuyên	336.507.644.437	336.507.644.437	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.311.852.988	7.311.852.988	
C	Chênh lệch thu chi, trong đó:	61.395.040.802	61.395.040.802	
1	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập	23.955.380.963	23.955.380.963	
2	Chi lập Quỹ phúc lợi + Khen thưởng	11.128.049.327	11.128.049.327	
3	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	11.904.351.767	11.904.351.767	
4	Chi lập Quỹ hỗ trợ khám chữa bệnh	16.752.229	16.752.229	
5	Chi lập nguồn Cải cách tiền lương	4.700.000.000	4.700.000.000	
6	Chênh lệch LDLK chờ xử lý	9.690.506.516	9.690.506.516	